

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Nền móng - 1103017

Mã lớp học phần: 110301701

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Võ Quang Trung.

Ngày thi: 08/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: K. Liên Ký tên: Liên

Giám thị 2: N. Tru Ký tên: Tru

Giám thị 3: Q. Minh Ký tên: Minh

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110060027	Lê Hồng	Lâm	23/07/1992	<u>ca</u>		1	Năm	C13XD1	Nợ HP 105 85
2	1210060038	Phạm	Lâm	18/02/1993	<u>Lâm</u>		7	Bảy	C14XD	
3	1210060043	Nguyễn Đoàn	Long	02/10/1994	<u>Long</u>		1	Năm	C14XD	
4	1110060029	Phí Ngọc	Long	29/09/1992	<u>Phí</u>				C13XD1	Nợ HP
5	1210060040	Hồ Văn	Lộc	02/10/1994	<u>Danh</u>		6	Sáu	C14XD	
6	1210060045	Võ Thành	Luân	20/12/1992	<u>thanh</u>		2	Hai	C14XD	
7	1210060044	Nguyễn Thái	Luận	09/10/1994	<u>Thái</u>		2	Hai	C14XD	
8	1210060046	Lã Quang	Minh	06/11/1994	<u>Minh</u>		5	Năm	C14XD	
9	1210060052	Ngô Hồng	Nam	06/08/1994	<u>Ngô</u>		5	Năm	C14XD	
10	1210060055	Từ Minh	Nguyên	01/02/1993	<u>Minh</u>		5	Năm	C14XD	
11	1210060056	Phan Thành	Nhân	07/12/1994					C14XD	Nợ HP
12	1210060057	Tô Hoàng	Nhân	08/10/1993					C14XD	
13	1210060058	Cao Thanh	Như	19/11/1994	<u>Thanh</u>		5	Năm	C14XD	
14	1210060061	Lâm Tấn	Phát	03/02/1994	<u>Tấn</u>		2	Hai	C14XD	
15	1210060062	Trương Tấn	Phát	15/01/1994	<u>Tấn</u>		3,5	Ba nửa	C14XD	
16	1210060064	Dương Văn	Phi	30/12/1992	<u>Văn</u>		4	Bốn	C14XD	
17	1210060065	Nguyễn Hoàng	Phi	11/03/1994	<u>Hoàng</u>		4	Bốn	C14XD	
18	1210060066	Ngô Văn	Phong	12/07/1994	<u>Ngô</u>		4,5	Bốn nửa	C14XD	
19	1210060068	Nguyễn Thành	Phương	21/01/1994	<u>Thành</u>		6	Sáu	C14XD	
20	1210060071	Hoàng Bảo	Quốc	02/02/1994	<u>Bảo</u>		4	Bốn	C14XD	
21	1210060072	Nguyễn	Sinh	12/11/1994	<u>Nguyễn</u>		4	Bốn	C14XD	Nợ HP 102 80
22	1210060073	Hoàng Văn	Sơn	24/12/1994	<u>Sơn</u>		6,5	Sáu nửa	C14XD	
23	1210060075	Nguyễn Văn	Sỹ	20/09/1993	<u>Nguyễn</u>		3,5	Ba nửa	C14XD	
24	1210060076	Lê Tấn	Tài	26/07/1993	<u>Tài</u>		3	Ba	C14XD	
25	1210060077	Trần	Tàu	15/01/1993	<u>Trần</u>		5	Năm	C14XD	
26	1210060080	Phạm Ngọc	Thảo	24/11/1994	<u>Phạm</u>		7	Bảy	C14XD	
27	1210060078	Lê Văn	Thắng	12/04/1994	<u>Văn</u>		4	Bốn	C14XD	
28	1210060082	Nguyễn Tiến	Thịnh	08/05/1994	<u>Tiến</u>		4	Bốn	C14XD	
29	1210060081	Lê Thành	Thơ	21/06/1994	<u>Thành</u>		6	Sáu	C14XD	
30	1210060084	Nguyễn Quý Thanh	Thuận	10/11/1992	<u>Quý</u>		4,5	Bốn nửa	C14XD	Nợ HP 7900
31	1210060085	Phạm	Thuận	20/08/1994	<u>Phạm</u>		4	Bốn	C14XD	
32	1110060066	Huỳnh Đình	Thủ	26/10/1992	<u>Đình</u>		5	Năm	C13XD2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1110060065	Nguyễn Trí	Thức	17/05/1993	<i>Thức</i>	1,5	Một nửa	C13XD2	Nợ HP 10537
34	1210060086	Nguyễn Văn	Tiến	03/07/1994	<i>huy</i>	6	Sáu	C14XD	
35	1110060070	Nguyễn Văn	Tol	28/03/1993	<i>han</i>	4	Bốn	C13XD2	
36	1210060089	Nguyễn Văn	Tổ	26/01/1994	<i>han</i>	2	Hai	C14XD	
37	1110060075	Nguyễn Đình	Triều	19/09/1993				C13XD2	Nợ HP
38	1110060073	Kiều Hữu	Trí	16/02/1993	<i>h</i>	0	Không	C13XD2	Nợ HP 10536
39	1210060093	Nguyễn Quang	Trung	26/09/1994	<i>h</i>	4	Bốn	C14XD	
40	1210060094	Nguyễn Hoàng	Tuấn	08/10/1994				C14XD	Nợ HP
41	1110060080	Huỳnh Thanh	Tùng	09/01/1991	<i>nh</i>	5	Năm	C13XD2	
42	1210060095	Phạm Bá	Tùng	17/04/1994	<i>Ph</i>	5,5	Năm nửa	C14XD	
43	1210060096	Đặng Trần Đình	Tú	27/02/1994	<i>h</i>	4	Bốn	C14XD	
44	1210060091	Lê Trần Thanh	Tường	30/11/1993	<i>Long</i>	4,5	Bốn nửa	C14XD	
45	1210060059	Thái Quốc	Ứng	13/10/1994	<i>h</i>	3	Ba	C14XD	
46	1210060098	Phạm Ngọc	Văn	23/05/1994	<i>Ph</i>	3,5	Ba nửa	C14XD	
47	1210060100	Nguyễn Võ	Vinh	01/01/1994	<i>h</i>	3	Ba	C14XD	
48	1210060104	Đinh Gia	Vĩ	30/06/1994	<i>h</i>	4	Bốn	C14XD	
49	1110060085	Nguyễn Hoàng	Vũ	26/10/1993	<i>h</i>	5,5	Năm nửa	C13XD2	
50	1210060103	Trần Thanh	Vũ	30/11/1994	<i>h</i>	6	Sáu	C14XD	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 45 vắng thi: 05 . Số bài thi/Số tờ: 15 , 15 + 10

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Nền móng - 1103017

Mã lớp học phần: 110301701

Giảng viên giảng dạy: Võ Quang Trung

Ngày thi: 08/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.6

Số tín chỉ: 3

Giám thị 1: P. Thuận

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: V. Phương

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: [Signature]

Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: [Signature]

Ký tên: [Signature]

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210060002	Nguyễn Thanh An	01/04/1994					C14XD	✓
2	1210060006	Đặng Huy Bảo	02/08/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
3	1210060004	Lê Đình Bảo	28/10/1994	<u>[Signature]</u>		1,5		C14XD	
4	1210060005	Lê Văn Bảo	20/07/1994	<u>[Signature]</u>		6		C14XD	
5	1210060007	Lương Thanh Bình	11/02/1994	<u>[Signature]</u>		6		C14XD	
6	1210060008	Phan Thanh Bình	07/05/1994	<u>[Signature]</u>		6		C14XD	
7	1210060009	Võ Minh Cảnh	25/10/1994	<u>[Signature]</u>		7		C14XD	
8	1210060010	Đỗ Phước Chiến	01/01/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
9	1210060011	Ngô Quang Chức	15/01/1994	<u>[Signature]</u>		6		C14XD	
10	1210060013	Hà Văn Công	11/08/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
11	1210060014	Lê Trung Cường	21/10/1994	<u>[Signature]</u>		7		C14XD	
12	1210060016	Võ Thế Dũng	10/02/1994						Nợ HP ✓
13	1210060050	Trần Từ Đạt	31/07/1994					C14XD	Nợ HP ✓
14	1110060034	Ngô Hải Đăng	15/03/1992	<u>[Signature]</u>		5		C13XD1	
15	1110060032	Phạm Hải Đăng	15/05/1993	<u>[Signature]</u>		5		C13XD1	
16	1210060019	Lý Thành Hải	20/02/1994	<u>[Signature]</u>		2,5		C14XD	
17	1210060020	Nguyễn Ngọc Minh Hải	26/06/1994	<u>[Signature]</u>		4,5		C14XD	
18	1210060018	Nguyễn Khắc Hạnh	30/10/1994					C14XD	Nợ HP ✓
19	1210060022	Nguyễn Ngọc Hiếu	14/01/1994	<u>[Signature]</u>		4,5		C14XD	
20	1110060013	Đặng Phước Hòa	28/10/1992	<u>[Signature]</u>		4,5		C13XD1	
21	1210060027	Nghiêm Duy Hòa	26/03/1993	<u>[Signature]</u>		1		C14XD	
22	1210060028	Phạm Quốc Hòa	09/10/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
23	1210060029	Trần Xuân Hòa	15/02/1994	<u>[Signature]</u>		5,5		C14XD	
24	1210060030	Huỳnh Trương Tuấn Huy	08/08/1994	<u>[Signature]</u>		3		C14XD	
25	1210060031	Phạm Minh Huy	11/05/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
26	1210060033	Phan Phúc Khải	01/01/1994	<u>[Signature]</u>		6,5		C14XD	
27	1210060034	Nguyễn Hồng Khánh	05/01/1994	<u>[Signature]</u>		5,5		C14XD	
28	1210060032	Võ Văn Khâm	26/04/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
29	1210060035	Nguyễn Đăng Khoa	18/07/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
30	1210060037	Đoàn Sĩ Khuyến	10/06/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14XD	
31	1110060025	Nguyễn Quang Kim	29/12/1993	<u>[Signature]</u>		2		C13XD1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.